TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 41/2020/QĐST – HNGĐ	*Quận 2, ngày 26 tháng 02 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 614/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Ông Nguyễn Phương K, sinh năm: 1986

2. Bà Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm: 1991

Cùng địa chỉ: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định yêu cầu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Ngọc Q có yêu cầu thuận tình ly hôn, do đó yêu cầu của ông K, bà Q là yêu cầu về thuận tình ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại Quận 2 nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ việc, Tòa án nhân dân Quận 2 nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 88 do Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 10/7/2018 thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Ngọc Q là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Ông K, bà Q tự nguyện chung sống với nhau năm 2016 và kết hôn với nhau từ năm 2018. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân là do không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, hai bên gia đình không thuận. Ông K, bà Q đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không thành. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa ông K, bà Q là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc ông K, bà Q cùng thỏa thuận yêu cầu thuận tình ly hôn là có cơ sở xem xét chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K, bà Q tự xác định không có tài sản chung, nợ chung.

Về lệ phí: Ông K tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Xét thỏa thuận nêu trên của ông K, bà Q là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc với người thứ ba. Do đó, công nhận sự thỏa thuận nêu trên của ông K, bà Q là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Phương K và bà Phạm Thị Ngọc Q thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 88 do Ủy ban nhân dân xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 10/7/2018 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông K, bà Q tự xác định không có tài sản chung, nợ chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Nguyễn Phương K tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí mà ông K đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2018/0027161 do Chi cục thi hành án Quận 2 lập ngày 23/12/2019. Ông K đã nộp đủ lệ phí, bà Q không phải nộp lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- UBND xã Long Sơn, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực